

IFRS và những yếu tố doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi để áp dụng thành công

Nguyễn Thị Sâm

Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, việc cập nhật và áp dụng các phương pháp, chính sách mới là điều rất quan trọng. IFRS được yêu cầu tại hơn 140 khu vực pháp lý và được phép ở nhiều nơi trên thế giới. Việt Nam là một trong số các quốc gia áp dụng tiêu chuẩn IFRS hiện nay, mặc dù chưa phổ biến lắm. Việc áp dụng này mang lại không ít lợi thế tích cực cho các doanh nghiệp. Đặc biệt là tính minh bạch, công khai, trung thực của báo cáo tài chính. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế ở khía cạnh khác chưa thực sự thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam. Chính vì thế các doanh nghiệp Việt Nam cần có những thay đổi nếu muốn áp dụng thành công IFRS tại đơn vị mình.

1. Mở đầu

IFRS là tên gọi viết tắt đầy đủ cho cụm từ quốc tế “International Financial Reporting Standards” hay được dịch là Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. IFRS là các chuẩn mực kế toán do quý IFRS và Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) ban hành để cung cấp một thực hành toàn cầu chung cho các vấn đề kinh doanh để tài khoản doanh nghiệp có thể hiểu và so sánh qua các ranh giới quốc tế. Chúng là kết quả của việc tăng cổ phần và thương mại quốc tế.

IFRS được thiết kế mang lại sự nhất quán trong ngôn ngữ kế toán, thực tiễn và báo cáo để giúp các doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư đưa ra các phân tích và quyết định tài chính có giáo dục. Quý IFRS đặt ra các tiêu chuẩn mang tính minh bạch, sự trách nhiệm và hiệu quả cho thị trường tài chính trên toàn thế giới, thúc đẩy niềm tin, sự ổn định và tăng trưởng tài chính lâu dài trong nền kinh tế toàn cầu hóa.

2. Những yếu tố doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi

2.1. Những công việc doanh nghiệp cần chuẩn bị để áp dụng IFRS thành công

Xây dựng chiến lược và ngân sách: Việc xây dựng chiến lược và ngân sách đóng vai trò then chốt trong quá trình áp dụng IFRS do trong giai đoạn đầu tiên (giai đoạn tự nguyện) và ngay cả sau 2025 (nếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng IFRS), chủ sở hữu doanh nghiệp là người quyết định việc áp dụng IFRS tại doanh nghiệp mình. Vì vậy chủ sở hữu doanh nghiệp phải xây dựng chiến lược phát triển, quyết định tính minh bạch và bố trí ngân sách cho việc triển khai áp dụng IFRS. Xác định phương án, lộ trình cụ thể; Công bố thông tin về lộ trình, phương án áp dụng cho các nhà đầu tư; Thiết lập kênh thông tin với cơ quan hoạch định chính sách.

Đào tạo nguồn nhân lực: Hầu hết các kế toán viên và kiểm toán viên tại Việt Nam chưa có kinh nghiệm trong việc áp dụng IFRS, trong khi đó IFRS chứa đựng nhiều nội dung mới, phức tạp. Vì vậy việc đào tạo nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng khi doanh nghiệp áp dụng IFRS. Doanh nghiệp cần phải xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực kịp thời, bài bản, liên tục và lâu dài. Không những đào tạo cho bộ máy kế toán và còn phải trang bị kiến thức, hiểu biết cơ bản về tài chính cho ban giám đốc, cán bộ quản lý.

Tổ chức bộ máy kế toán và xây dựng quy chế phối hợp giữa các bộ phận: Việc tái cấu trúc lại bộ máy doanh nghiệp cũng là công việc hết sức cần thiết, đặc biệt phải quan tâm đến việc tổ chức bộ máy kế toán một cách phù hợp, thông suốt từ công ty mẹ đến công ty con và các đơn vị trực thuộc; Có nhân lực chuyên trách về IFRS và BCTC hợp nhất. Bộ phận tài chính, kinh doanh, bán hàng cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với bộ phận kế toán để đảm bảo cung cấp thông tin về mô hình kinh doanh, hợp đồng kinh tế, dữ liệu tài chính. Đồng thời doanh nghiệp cần tổ chức bộ máy soát xét, kiểm tra, kiểm toán nội bộ; Chuẩn bị dữ liệu để giải trình với cơ quan quản lý, giám sát Nhà nước khi có yêu cầu.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin: Để áp dụng IFRS một cách có hiệu quả, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của công tác quản trị nội bộ; Đảm bảo kết nối giữa bộ phận kế toán, tài chính và các bộ phận khác; Đảm bảo kết nối giữa công ty mẹ và các công ty con, đơn vị trực thuộc.

Xây dựng quy trình biến đổi BCTC từ VAS sang IFRS: doanh nghiệp nên tự xây dựng cho mình một quy trình chuyển đổi báo cáo tài chính bằng cách xác định sự khác biệt giữa VAS và IFRS; Nhận diện các giao dịch, khoản mục trên BCTC cần chuyển

đổi; Xây dựng hệ thống hồ sơ, dữ liệu mang tính kế thừa; Quy định trách nhiệm chuyển đổi BCTC phù hợp với đặc thù của DN mình; Xây dựng bộ quy tắc chuyển đổi BCTC với hướng dẫn cụ thể cho DN mình.

2.2. Kỹ năng, kiến thức kế toán cần được trang bị để đáp ứng yêu cầu đổi mới về kế toán

* Kiến thức cần trang bị cho người làm kế toán:

- Nguyên lý kế toán — kiến thức cơ bản để hiểu được những vấn đề về kế toán. Nguyên lý kế toán đóng vai trò quan trọng, xuyên suốt trong quá trình tác nghiệp tại đơn vị vì việc lập và trình bày báo cáo tài chính đều gắn liền với nguyên lý, khuôn mẫu kế toán;

- Hiểu biết về giao dịch kinh tế, tài chính chứ không chỉ đơn thuần là kiến thức ghi chép sổ sách. Do sự đa dạng của thực tiễn, nhiều giao dịch kinh tế phát sinh không được hướng dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật nên người làm kế toán cần phải biết lựa chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp để phản ánh giao dịch kinh tế phát sinh, vận dụng các nguyên tắc lý thuyết của chuẩn mực vào từng tình huống cụ thể của thực tiễn đơn vị;

- Nắm bắt được yêu cầu của người sử dụng báo cáo tài chính để có thể cung cấp thông tin tài chính hữu ích. Như trên đã nói, phần lớn dữ liệu đầu vào cho kế toán không xuất phát từ bộ phận kế toán, như vậy người làm kế toán cần biết cách lấy dữ liệu, tức là đưa ra yêu cầu cụ thể đối với các bộ phận liên quan (bộ phận kỹ thuật, kinh doanh, chiến lược, thẩm định giá...) để họ có thể cung cấp được dữ liệu theo đúng yêu cầu cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Kiến thức về tài chính, nắm được kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin tài chính quá khứ và dự báo trong tương lai;

- Kê khai, quyết toán thuế, thực nghĩa nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước luôn là một nhiệm vụ không thể thiếu của doanh nghiệp.

* Kỹ năng: Xử lý dữ liệu và trình bày các dữ liệu đó trên báo cáo tài chính, biến các con số khô khan trở thành các con số biết nói; sử dụng các kỹ năng tính toán tài chính, như tính dòng tiền chiết khấu, xác định giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi, ước tính tổn thất...

2.3. Về đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực

Nhà trường nên thực hiện phương châm đào tạo những gì xã hội cần hơn là đào tạo cái mình có, hãy chấm dứt phương pháp đào tạo theo kiểu “tâm câu trích cú”, đừng để sinh viên kế toán trở thành những con robot vì chỉ thuộc lòng lý thuyết mà không biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Trong bối cảnh thời lượng đào tạo môn kế toán có hạn, lại bị chi phối bởi các môn học khác trong chương trình đào tạo tổng thể, việc xây dựng phương pháp đào tạo kế toán phù hợp càng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội. Vậy làm thế nào để sinh viên ra trường có thể đáp ứng được yêu

cầu của doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế? Đó là câu hỏi không dễ trả lời cho cả các cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý Nhà nước.

Kế toán thực sự là một môn khoa học logic nên việc đào tạo người làm kế toán trước tiên cần cung cấp cho họ phương pháp tư duy, phương pháp luận giải xử lý vấn đề hơn là bắt họ học thuộc lòng những bút toán định khoản khô khan. Ngoài ra, hệ thống phần mềm kế toán đã hỗ trợ tối đa cho người làm kế toán trong việc lập các bút toán định khoản kế toán, việc lập các bút toán hầu như đơn thuần là nhập dữ liệu và chỉ đóng vai trò thứ yếu trong công tác kế toán. Vì vậy việc đào tạo kế toán không nên tập trung vào hướng dẫn định khoản kế toán như hiện nay mà phải hướng đến đáp ứng yêu cầu cơ bản và xuyên suốt của kế toán là lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc đào tạo lý thuyết về kế toán và các Chuẩn mực báo cáo tài chính là quan trọng nhưng quan trọng hơn là việc vận dụng lý thuyết đó để xử lý công việc thực tế hàng ngày diễn ra tại đơn vị. Người làm kế toán giỏi là người biết cách chọn ra nguyên tắc kế toán phù hợp (trong số các nguyên tắc được quy định bởi Chuẩn mực) để vận dụng cho từng giao dịch và tình huống cụ thể.

3. Kết luận

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa, kế toán không còn là vấn đề mang tính riêng biệt của từng quốc gia. Việc áp dụng IFRS còn phụ thuộc vào điều kiện phát triển và tình hình thực tế của từng quốc gia. Hiện nay Việt Nam đang trong quá trình cải cách hành chính, hoạt động đầu tư nước ngoài ngày càng trở nên sôi động. Để đáp ứng được yêu cầu đó, doanh nghiệp cũng cần có những phương án, lộ trình thay đổi mình, tiếp cận sâu hơn chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Việc áp dụng IFRS sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường quốc tế hoặc nhận được các khoản vay ưu đãi từ các định chế tài chính quốc tế như WB, IFM, ADB...

Tài liệu tham khảo

Halyer, S. (2010). “Waiting for Direction”, The Accountant.

Ikaheimo, S., Ojala, H., Riistama, V. & Staning, E. M., (2008). “IFRS for SMEs - Do we need it? Expert bases study in Finland”. The 4th Annual Workshosp on Accounting in Europe, 10-11 September 2008, Lund University, Sweden.

Neag, R., Masca, E., Pascan, I. (2011). “Research on the field tests in the Mures county Romania regarding the opportunity for different accounting requirements for “small entities” or “micro- entities””. International journal of accounting & information management, Vol.19, No.2: 305-328.